

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 121/2021/HS-ST
Ngày: 28-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Từ Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Yến và bà Huỳnh Ngọc Sương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn U, sinh năm 1993 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiện C, sinh năm 1956 và bà Đoàn Ngọc L, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: Không có.

Tiền án: Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 02-01-2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

- Quyết định số 73/2015/QĐ-TA ngày 01/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng;

- Quyết định số 191/2017/QĐ-TA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 23/11/2020.

2/ Huỳnh Văn H, sinh năm 1992 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1966 và bà Trương Thị C, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 01/02/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An ra Quyết định khởi tố bị can số 130 về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam trong vụ án khác.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Võ Thị Ngọc H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983; nơi cư trú: T31/28 khu phố B, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Lê Thúy L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/11/2020, do không có tiền tiêu xài và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Văn U đi bộ đến khu nhà trọ địa chỉ 351/3 khu phố T, phường A, thành phố T thì thấy phòng số 01 của dãy trọ không đóng cửa và phát hiện trong phòng có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 65H1 – 259.65 của bà Võ Thị Ngọc H1 đang dựng và không người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa xe. Lúc này U lên vào bên trong phòng trọ đẩy xe mô tô nói trên ra ngoài rồi điều khiển tẩu thoát khỏi hiện trường, trên đường đi, U dừng xe lại kiểm tra trong cốp xe và phát hiện có 01 giấy đăng ký xe mang tên “Võ Thị Ngọc H1” nên đã cất giữ và tiếp tục điều khiển xe đến gặp đối

tượng Huỳnh Văn H, U nói với H xe mới vừa trộm được và bàn bạc với nhau mang xe đi cầm cố. Sau khi thống nhất thì U điều khiển xe chở H đến tiệm cầm đồ HPCD tại địa chỉ T31/28 Lô M, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, H vào tiệm nói rằng xe của vợ H và do thiếu tiền nên cầm cố, do có giấy đăng ký xe và Chứng minh nhân dân của H nên bà Nguyễn Thị H2 (người quản lý tiệm cầm đồ) đã đồng ý cầm cố với giá 15.000.000đồng. Số tiền này được H đưa lại hết cho U để cùng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 06/11/2020, do không có tiền tiêu xài nên H quay lại tiệm cầm đồ gặp bà H2 để làm thủ tục bán luôn xe với giá 15.500.000đồng thì được bà H2 đồng ý, bà H2 đưa thêm cho H 500.000đồng. Vào lúc 10 giờ ngày 23/11/2020, Nguyễn Văn U bị Công an phường A, thành phố Thuận An mời về trụ sở làm việc do có biểu hiện nghi vấn, qua làm việc, U khai nhận hành vi phạm tội như trên. Đến 11 giờ ngày 23/11/2020, bà Võ Thị Ngọc H1 đến Công an phường An Thạnh trình báo sự việc bị mất trộm xe.

Ngày 27/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thuận An kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 65H1 – 259.65 có giá trị 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 113/CT-VKS -TA ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn U về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn U từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và bị cáo Huỳnh Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 65H1 – 259.65 là tài sản các bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho bị hại Võ Thị Ngọc H1 là đúng pháp luật.

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu đen là áo khoác do bị cáo Út mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, U không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên đề xuất tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, đồng thời bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 15.500.000đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với hành vi nhận cầm cố và mua xe của bà Nguyễn Thị H2: Bà H2 không biết xe mô tô mà bị cáo H mang đi cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với bà H2 là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn U và Huỳnh Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/11/2020 tại khu nhà trọ địa chỉ 351/3 khu phố T, phường A, thành phố T, bị cáo U có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 65H1 – 259.65 có giá trị 20.000.000đồng (hai

mười triệu đồng) và bị cáo H biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình mang tài sản đi cầm cố giúp bị cáo U để được hưởng lợi.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn U về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Huỳnh Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật Hình sự nhưng vì lòng tham, muốn có tài sản sử dụng và hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản không phải bằng sức lao động của mình, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo U đã từng bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, hiện chưa được xóa án tích đồng thời từng nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo là người khó cải tạo giáo dục. Bị cáo H có nhân thân xấu, đang bị khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản” trong một vụ án khác.

Vì vậy phải xét xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, tuy nhiên cũng cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo U là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và chủ động rủ rê bị cáo H tìm cách tiêu thụ tài sản nên vai trò và mức hình phạt áp dụng cho bị cáo U phải cao hơn bị cáo H.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo U phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị H2: Bà H2 không biết xe mô tô mà bị cáo H mang đi cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với bà H2 là có căn cứ.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 65H1 – 259.65 là tài sản các bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho bị hại Võ Thị Ngọc H1 là đúng pháp luật.

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu đen là áo khoác do bị cáo U mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, U không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Bị hại đã nhận lại tài sản, đồng thời bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường, đây là sự tự nguyện, tự định đoạt của các chủ thể về quyền sở hữu và giao dịch dân sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo nộp lại số tiền 15.500.000đồng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn U;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Văn H;

Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2020.

1.2. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 áo khoác dài tay màu đen.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/3/2021).

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn U và bị cáo Huỳnh Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Từ Minh Toàn